

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 88/2024/DS-ST

Ngày: 13-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng góp  
hụi

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Tấn Hải

2. Ông Lê Trọng Hiếu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Bảo Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Vào ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2024/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2024/QĐST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Đặng Thị Thu L, sinh năm: 1964

Địa chỉ: số E ấp C xã L huyện C tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1973

Địa chỉ: F quốc lộ E khu A thị trấn C huyện C tỉnh Long An

Văn bản ủy quyền ngày 12/6/2023.

2. **Bị đơn:** Bà Võ Thị Cẩm T1, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp Ô xã L huyện C tỉnh Long An.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Lê Thành T2, sinh năm: 1974

Địa chỉ: ấp Ô xã L huyện C tỉnh Long An.

4. **Người làm chứng:**

4.1. Bà Cao Thanh L1, sinh năm: 1979

Địa chỉ: ấp Đ Long Hựu Đ huyện C tỉnh Long An.

4.2. Bà Võ Thị L2, sinh năm: 1973

Địa chỉ: ấp L xã L huyện C tỉnh Long An.

(các đương sự vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/8/2023 và 21/6/2024, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đặng Thị Thu L có người đại diện theo ủy quyền ông Huỳnh Văn T trình bày:

Ông được bà Đặng Thị Thu L ủy quyền tham gia tố tụng và được toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan trong vụ án “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” với bà Võ Thị Cẩm T1 và ông Lê Thành T2.

Bà L và bà Võ Thị Cẩm T1 là chỗ quen biết do sống cùng địa phương.

Bà L là chủ hụi, bà Võ Thị Cẩm T1 có chơi hụi do bà L tổ chức. Trong quá trình chơi hụi thì bà T1 đã hốt hụi xong nhưng không đóng lại đầy đủ cho bà L, hiện nay còn nợ lại bà L số tiền 297.000.000 đồng, các dây hụi cụ thể như sau:

Dây thứ 1: khai ngày 20/5/2021 âm lịch, hụi 3.000.000 đồng/phần, dây hụi gồm 32 phần, tháng khai 01 lần, bà T1 tham gia 01 phần, hụi khai kỳ đầu tiên vào ngày 20/5/2021, trong dây hụi này bà T1 hốt ở kỳ khai thứ 8 (07 phần chết, hụi bỏ 1.020.000đ), bà L đã giao đủ tiền hụi cho bà T1, số tiền 65.400.000 đồng (có ghi giấy và giấy này bà T1 giữ), sau đó bà T1 đã đóng đến kỳ khai thứ 13 thì ngưng, hụi hiện nay đã mãn. Trong dây hụi này bà T1 còn nợ lại 19 kỳ x 3.000.000 đồng/kỳ x 01 phần = 57.000.000 đồng.

Dây thứ 2: khai ngày 15/9/2021 âm lịch, hụi 3.000.000 đồng/phần, dây hụi gồm 29 phần, tháng khai 01 lần, bà T1 tham gia 01 phần, hụi khai kỳ đầu tiên vào ngày 15/9/2021, trong dây hụi này bà T1 hốt ở kỳ khai thứ 3 (02 phần chết, bỏ hụi 1.000.000đ), bà L đã giao đủ tiền hụi cho bà T1, số tiền 57.500.000 đồng (có ghi giấy và giấy này bà T1 giữ), sau đó bà T1 đã đóng đến kỳ khai thứ 10 thì ngưng, hụi hiện nay đã mãn. Trong dây hụi này bà T1 còn nợ lại 19 kỳ x 3.000.000 đồng/kỳ x 01 phần = 57.000.000 đồng.

Dây thứ 3: khai ngày 10/6/2022 âm lịch (đến 10/7/2024 âm lịch mãn hụi), hụi 3.000.000 đồng/phần, dây hụi gồm 25 phần, tháng khai 01 lần, bà T1 tham gia 01 phần, hụi khai kỳ đầu tiên vào ngày 10/6/2022, trong dây hụi này bà T1 hốt ở kỳ khai thứ 1, bà L đã giao đủ tiền hụi cho bà T1, số tiền 46.200.000 đồng (có ghi giấy và giấy này bà T1 giữ), sau đó bà T1 không có đóng hụi lại cho bà L. Trong dây hụi này bà T1 còn nợ lại 24 kỳ x 3.000.000 đồng/kỳ x 01 phần = 72.000.000 đồng.

Dây thứ 4: khai ngày 30/02/2021 âm lịch (hụi này hiện nay đã mãn), hụi 3.000.000 đồng/phần, dây hụi gồm 31 phần, tháng khai 01 lần, bà T1 tham gia 02 phần, hụi khai kỳ đầu tiên vào ngày 30/02/2021, trong dây hụi này bà T1 hốt ở kỳ khai thứ 02 (01 phần chết, hụi bỏ 930.000đ), bà L đã giao đủ tiền hụi cho bà T1, số tiền 68.800.000 đồng (có ghi giấy và giấy này bà T1 giữ), và 01 lần hốt ở kỳ khai thứ 7 (06 phần chết, hụi bỏ 920.000đ), bà L đã giao đủ tiền hụi cho bà T1, số tiền 65.500.000

đồng (có ghi giấy và giấy này bà T1 giữ), sau đó bà T1 đã đóng đến kỳ khai thứ 15 thì ngưng, hiện nay đã mãn. Trong dây hội này bà T1 còn nợ lại 16 kỳ x 3.000.000 đồng/kỳ x 02 phần = 96.000.000 đồng.

Dây thứ 5: khai ngày 25/9/2020 âm lịch (hội này hiện nay đã mãn), hội 3.000.000 đồng/phần, dây hội gồm 26 phần, tháng khai 01 lần, bà T1 tham gia 01 phần, hội khai kỳ đầu tiên vào ngày 25/9/2020, trong dây hội này bà T1 hốt ở kỳ khai thứ 01 (hội bỏ 930.000đ), bà L đã giao đủ tiền hội cho bà T1, số tiền 48.140.000 đồng (có ghi giấy và giấy này bà T1 giữ), sau đó bà T1 đã đóng đến kỳ khai thứ 21 thì ngưng. Trong dây hội này bà T1 còn nợ lại 5 kỳ x 3.000.000 đồng/kỳ x 01 phần = 15.000.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền hội bà T1 còn nợ chưa đóng cho bà L là 297.000.000 đồng.

Do đó nay bà L khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị Cẩm T1 và ông Lê Thành T2 có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà L số tiền hội 297.000.000 đồng, hoàn trả 01 lần, không yêu cầu tính lãi.

Số tiền bà L choàng hội cho bà T1 là tiền riêng của bà L, không liên quan gì đến chồng bà L.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành thủ tục tổng đạt về việc thụ lý vụ án cho bị đơn bà Võ Thị Cẩm T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thành T2 biết Tòa án có thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng góp hội theo đơn khởi kiện của bà Đặng Thị Thu L nhưng bà T1, ông T2 không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án.

Vào ngày 12/9/2024 TAND huyện Cần Đức có nhận được Đơn xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn T cụ thể chỉ yêu cầu số tiền 22 kỳ x 3.000.000 đồng/kỳ x 01 phần = 66.000.000 đồng của dây hội khai ngày 10/6/2022 âm lịch.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An – bà Huỳnh thị Hải Yến - phát biểu quan điểm như sau:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng và nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bà Võ Thị Cẩm T1 và ông Lê Thành T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử vắng mặt bà T1 và ông T2 là phù hợp.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 471 BLDS, Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về hội, họ, biên, phường đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 291.000.000 đồng và đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với đối số tiền 6.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Đặng Thị Thu L khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị Cẩm T1 và ông Lê Thành T2 có trách nhiệm hoàn trả số tiền hụi 297.000.000 đồng, hoàn trả 01 lần, không yêu cầu tính lãi làm phát sinh quan hệ tranh chấp hợp đồng góp hụi thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 471 Bộ luật dân sự. Căn cứ theo yêu cầu của đương sự xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị Thu L có Đơn xin rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện cụ thể trong đây hụi thứ 3 khai ngày 10/6/2022 âm lịch (đến 10/7/2024 âm lịch mãn hụi), hụi 3.000.000 đồng/phần. Trước đây bà L khởi kiện bà T1 và ông T2 có trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền 72.000.000 đồng, tuy nhiên có 02 kỳ hụi chưa mãn nên ông T rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu số tiền 22 kỳ x 3.000.000 đồng/kỳ x 01 phần = 66.000.000 đồng.

Việc rút lại yêu cầu này của nguyên đơn là tự nguyện. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Thu L đối với số tiền 6.000.000 đồng của 02 kỳ hụi chưa mãn trong đây hụi khai ngày 10/6/2022 âm lịch.

Bà Võ Thị Cẩm T1 và ông Lê Thành T2 cư trú tại ấp Ô xã L huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ vào Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện C giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205, 207 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không tiến hành hoà giải được do vắng mặt bà Võ Thị Cẩm T1 và ông Lê Thành T2. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại biên bản xác minh của Công an xã L xác nhận bà T1 và ông T2 có hộ khẩu thường trú tại ấp Ô xã L và hiện đang sinh sống tại địa phương. Do đó Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của bà T1 và ông T2, bà T1 và ông T2 đã được thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án, về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, về thời gian xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt, cũng không có lời trình bày hay ý kiến phản hồi gửi cho Tòa án. Ông Huỳnh Văn T, bà Cao Thanh L1 và bà Võ Thị L2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại các Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T, bà T1, ông T2, bà L2, bà L1.

Ông Nguyễn Văn K là chồng bà Đặng Thị Thu L trình bày số tiền bà L đang khởi kiện bà T1 và ông T2 là tiền riêng của bà L, trong vụ án này ông không có yêu cầu gì nên không cần thiết phải đưa ông K vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Bà Đặng Thị Thu L khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị Cẩm T1 và ông Lê thành T2 có trách nhiệm hoàn trả số tiền 291.000.000 đồng. Xét lời trình bày và yêu cầu của bà L, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà L là đầu thảo hụi, có tổ chức chơi hụi, bà T1 có chơi hụi do bà L tổ chức. Hiện nay các đây hụi đều đã mãn. Bà T1 đã hốt hụi xong nhưng không đóng lại đầy đủ

cho bà L, số tiền còn nợ lại cụ thể: tiền hụi ngày 20/5/2021 âm lịch số tiền 57.000.000 đồng; hụi ngày 15/9/2021 âm lịch: số tiền 57.000.000 đồng; hụi ngày 10/6/2022 âm lịch: số tiền 66.000.000 đồng, hụi ngày 30/02/2021 âm lịch: số tiền 96.000.000 đồng, hụi ngày 25/9/2020 âm lịch: số tiền 15.000.000 đồng.

Bà L cũng đã nhiều lần yêu cầu bà T1 hoàn trả số tiền hụi còn nợ nhưng bà T1 không thực hiện.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà T1 có trách nhiệm hoàn trả số tiền nợ hụi còn lại là 291.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, hoàn trả 01 lần.

Theo Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về hụi biếu phường (gọi chung là hụi).

**“Điều 16. Nghĩa vụ của thành viên**

1. Thành viên trong hụi không có lãi có các nghĩa vụ sau đây:

a) Góp phần hụi theo thoả thuận;

b) Thông báo về nơi cư trú mới trong trường hợp có thay đổi cho những người tham gia dây hụi;

c) Tiếp tục góp các phần hụi để các thành viên khác được lĩnh cho đến khi thành viên cuối cùng lĩnh hụi trong trường hợp đã lĩnh hụi trước thành viên khác;

d) Các nghĩa vụ của thành viên trong việc thực hiện quy định tại Điều 10 và khoản 2 Điều 11 của Nghị định này;

đ) Trong trường hợp không có chủ hụi thì thành viên được giao lập và giữ sổ hụi có các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 12, khoản 5 và khoản 6 Điều 18 của Nghị định này.

2. Thành viên trong hụi có lãi có các nghĩa vụ sau đây:

a) Các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trả lãi cho các thành viên chưa lĩnh hụi khi được lĩnh hụi.

3. Thành viên trong hụi hưởng hoa hồng có các nghĩa vụ sau đây:

a) Các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này nếu thuộc trường hợp họ không có lãi hoặc các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều này nếu thuộc trường hợp họ có lãi;

b) Trả khoản hoa hồng cho chủ hụi khi lĩnh hụi theo thoả thuận.

**Điều 24. Trách nhiệm của thành viên không góp phần hụi**

Trường hợp đến kỳ mở hụi mà có thành viên không góp phần hụi hoặc góp phần hụi không đầy đủ thì thành viên đó có trách nhiệm đối với chủ hụi như sau:

1. Hoàn trả số tiền mà chủ hụi đã góp thay cho thành viên.

2. Trả lãi đối với số tiền chậm góp hụi theo quy định tại Điều 22 của Nghị định này.

3. Chịu phạt vi phạm trong trường hợp những người tham gia dây hụi có thoả thuận phạt vi phạm theo quy định tại Điều 418 của Bộ luật dân sự.

#### 4. Bồi thường thiệt hại (nếu có).

Xét thấy, bản chất của việc tham gia chơi hội, họ, biêu, phường là việc thỏa thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại nhằm mục đích tương trợ trong nhân dân. Cho nên, khi bà L làm chủ hội, bà T1 sau khi đã hót hội xong phải có nghĩa vụ góp hội theo thỏa thuận.

Về trách nhiệm liên đới:

Tại thời điểm bà T1 chơi hội với bà L thì bà T1, ông T2 là vợ chồng, hôn nhân giữa bà T1, ông T2 vẫn đang tồn tại do đó xác định khoản nợ hội trên là trong thời kỳ hôn nhân.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, bà T1, ông T2 vắng mặt. Toà án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp, bà T1, ông T2 đã được thông báo đầy đủ thông tin về vụ kiện và quá trình giải quyết vụ án của Toà án nhưng vẫn vắng mặt là không chấp hành thông báo của Toà án, đồng thời mặc nhiên thừa nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chứng cứ bên nguyên đơn cung cấp. Mặc khác theo lời trình bày của bà Cao Thanh L1 và bà Võ Thị L2 thống nhất trình bày bà T1 có tham gia chơi các dây hội do bà L tổ chức, bà T1 đã hót hội xong, bà L có giao đủ hội nhưng sau đó bà T1 không đóng hội lại đầy đủ còn số tiền cụ thể bao nhiêu bà L1 và bà L2 không biết. Do đó căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014 và Điều 288, 471 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà T1, ông T2 có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà L số tiền hội 291.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An là có cơ sở.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: bà Võ Thị Cẩm T1 và ông Lê Thành T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên nghĩa vụ thanh toán theo Nghị quyết về án phí, lệ phí Toà án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Do bà Đặng Thị Thu L thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí Tòa án và có Đơn xin miễn nộp cho nên không thực hiện việc hoàn lại tạm ứng án phí cho bà L.

*Vì các lẽ trên;*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 227, 228, 266, 267, 271, 273, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Thu L về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*” đối với bà Võ Thị Cẩm T1 và ông Lê Thành T2.

Buộc bà Võ Thị Cẩm T1 và ông Lê Thành T2 có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Đặng Thị Thu L số tiền hội 291.000.000 đồng (hai trăm chín mươi một triệu

đồng) (của dây hụi ngày 20/5/2021 âm lịch, ngày 15/9/2021 âm lịch, ngày 10/6/2022 âm lịch, ngày 30/02/2021 âm lịch và ngày 25/9/2020 âm lịch).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Thu L đối với bà Võ Thị Cẩm T1 và ông Lê Thành T2 về việc yêu cầu trả số tiền hụi 6.000.000 đồng (của dây hụi khui ngày 10/6/2022 âm lịch, hụi 3.000.000 đồng/phần, dây hụi gồm 25 phần, tháng khui 01 lần).

Về quyền khởi kiện: Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Võ Thị Cẩm T1 và ông Lê Thành T2 phải liên đới chịu 14.550.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An,
- VKSND huyện C,
- Chi cục THA huyện C,
- Các đương sự,
- Lưu HS,
- Lưu án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà**

**Ngô Thị Thùy Diễm**

